

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 16/8/2022

V/v “*Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình của nam nữ chung sống với nhau
như vợ chồng mà không đăng ký kết
hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Đặng Hoài Dinh

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1/ Ông Nguyễn Tuyền

2/ Ông Nguyễn Trọng Nhân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 358/2022/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình của nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, sinh năm 1987. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: tổ 7, ấp Đ, xã Th, huyện GD, tỉnh TN.

Bị đơn: Anh Võ Văn H, sinh năm 1988. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: tổ 7, ấp Đ, xã Th, huyện GD, tỉnh TN.

Tạm trú: ấp C, xã Th, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 5 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – chị Nguyễn Thị Ngọc D trình bày:

Chị và anh H chung sống với nhau từ năm 2006, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại ấp C, xã Th, huyện GD, đến khi sinh cháu Nh (tháng 6-2007) để tiện cho việc chăm con nhỏ chị D dọn về sống cùng mẹ ruột ngụ tại ấp Đ, xã Th,

huyện GD, đến tháng 9-2007 do nhu cầu công việc nên vợ chồng dọn đến sinh sống và làm việc tại thị xã Tr, ngày 30-4-2008 vợ chồng thay đổi công việc nên dọn về sống cùng cha mẹ chị tại ấp Đ, xã Th, huyện GD, đến năm 2009 mẹ chị cho phần đất vợ chồng chị cất nhà và dọn ra sống riêng đến khi ly thân. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên do anh H ham mê cờ bạc, bỏ mặc vợ con không lo lắng, không phụ giúp xây dựng gia đình và nuôi dạy con cái, tiền làm được bao nhiêu anh sa đà vào ăn chơi gây ra nợ nần, thương anh H chị nhiều lần vay mượn để giúp anh H trả nợ nhưng anh không thay đổi, từ đó dẫn đến vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, khoảng đầu năm 2019 sau khi bị chủ nợ đến nhà đòi nợ, dẫn đến chị và anh phát sinh gây gổ anh bỏ về sống cùng mẹ ruột (khoảng 6-2022), từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 người con tên Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007, hiện cháu Nh đang sống cùng chị.

Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung chị yêu cầu được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn – anh Võ Văn H trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về hôn nhân, thời gian chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung chị D trình bày đúng sự thật. Riêng về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, anh H cho rằng giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng không nghiêm trọng dẫn đến ly hôn. Nay chị D yêu cầu xin ly hôn cùng anh, anh không đồng ý ly hôn, vì anh còn thương vợ con anh mong muốn gia đình đoàn tụ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007; hiện con đang sống chung cùng với chị D. Nếu Tòa án cho ly hôn anh đồng ý giao cháu Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007 cho chị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H. Về con chung: Giao cho chị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007. Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điểm a

Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu, phân tích, đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cả nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc D và bị đơn anh Võ Văn H đều có yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng tất cả các đương sự là phù hợp.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng không đăng ký kết hôn, mặc dù anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật, nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị D có yêu cầu ly hôn, anh H xin đoàn tụ gia đình, nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn gia đình, anh chị ly thân nhau từ tháng 6-2022, quá trình ly thân không ai có thiện chí đoàn tụ. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H.

[3] Về con chung: Cháu Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007 hiện đang sống cùng chị D. Trong suốt thời gian ly thân chị D vẫn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tốt, cháu Nh cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nên cần giao cháu Nh cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp. Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra giải quyết.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh H không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Vị Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh H. Về con chung: Giao cho chị D được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007. Do chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị D phải chịu án phí không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của chị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điểm c Khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc hội; Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Võ Văn H.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị Ngọc D có quyền và nghĩa vụ tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung tên Võ Thị Huỳnh Nh, sinh ngày 03-6-2007.

Anh Võ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc D, anh Võ Văn H không yêu cầu giải quyết.

4/ Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0024446 ngày 15-6-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị D đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Chị Nguyễn Thị Ngọc D và anh Võ Văn H được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND T. Tây Ninh;
- VKSND H. Gò Dầu;
- CCTHADS H. Gò Dầu;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Hoài Dinh

